

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ TIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 05-8-2022

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TIÊN, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mạc Văn Hên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chung Thị Ngọc.

2. Bà Trần Thị An.

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Như Ngọc, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên tham gia phiên tòa:
Bà Lâm Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2022/TLST- HNGĐ, ngày 18 tháng 02 năm 2022 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Vũ Hồng L, sinh năm 1975, tên gọi khác: Vũ Văn L. Nơi cư trú: số 303A, đường H, khu phố N, phường C, thành phố T, tỉnh Kiên Giang, có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Trịnh Thị Đ, sinh năm 1979. Nơi cư trú: Tổ 02, khu phố N, phường C, thành phố T, tỉnh Kiên Giang, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18/02/2022 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Vũ Hồng L trình bày: Ông và bà Trịnh Thị Đ chung sống với nhau và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/6/2001. Sau khi kết hôn thì vợ chồng về sống bên gia đình bà Đ tại khu phố N, phường C, thành phố T, quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, do bà Đ thường hay cờ bạc không quan tâm cuộc sống gia đình, vợ chồng đã ly gần 05 năm. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà Trịnh Thị Đ.

Về con chung: Có hai đứa con tên Vũ Thị Trà M, sinh ngày 10/10/2000, giới tính nữ, đã trưởng thành không yêu cầu xem xét, giải quyết và Vũ Thị Thu L, sinh ngày 07/7/2007, giới tính nữ, hiện nay cháu L đang sống cùng ông. Ly hôn ông yêu cầu được nuôi dưỡng cháu L đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu bà Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 13/6/2022 bị đơn bà Trịnh Thị Đ trình bày: Bà và ông Vũ Hồng L chung sống với nhau và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bà và ông L đã ly thân khoảng 10 năm. Nay ông L làm đơn xin ly hôn bà đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có hai đứa con tên Vũ Thị Trà M, sinh ngày 10/10/2000, giới tính nữ, đã trưởng thành và Vũ Thị Thu L, sinh ngày 07/7/2007, giới tính nữ. Ly hôn bà đồng ý giao con tên Vũ Thị Thu L cho ông L tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và bà không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên phát biểu về việc tuân theo tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự thực hiện đúng trình tự, quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Ông L và bà Đ chung sống với nhau có đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông bà đã ly thân không còn yêu thương chăm sóc nhau nữa, xét thấy hôn nhân của ông bà đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ông L xin ly hôn bà Đ đồng ý ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông L. Về con chung ông bà có hai đứa con tên Vũ Thị Trà M, sinh ngày 10/10/2000, giới tính nữ, đã trưởng thành và Vũ Thị Thu L, sinh ngày 07/7/2007, giới tính nữ, theo nguyện vọng của cháu L xin được sống cùng với ông L nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con tên Vũ Thị Thu L cho ông L tiếp tục được nuôi dưỡng, ghi nhận ý kiến của ông L không yêu cầu bà Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, về nợ chung ông bà trình bày không có nên không xem xét; Về án phí ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, lời trình bày của bị đơn và căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp ly hôn. Trong vụ án này bị đơn bà Trịnh Thị Đ cư trú tại khu phố N, phường C, thành phố T, tỉnh

Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Trịnh Thị Đ có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[3] Về hôn nhân: Ông L và bà Đ chung sống với nhau và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 62, quyển số 1, ngày 22/6/2001, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn ông bà chung sống với nhau được một khoảng thời gian thì ly thân cho đến nay, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Xét thấy, ông bà đã ly thân không còn yêu thương chăm sóc cho nhau nữa, đã bỏ mặc nhau muốn sống ra sao thì sống, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa ông L và bà Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ông L làm đơn xin ly hôn bà Đ đồng ý ly hôn. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Ông bà chung sống với nhau có hai đứa con tên Vũ Thị Trà M, sinh ngày 10/10/2000, giới tính nữ, đã trưởng thành và Vũ Thị Thu L, sinh ngày 07/7/2007, giới tính nữ, ly hôn ông L xin được nuôi cháu L, bà Đ thì đồng ý giao cháu L cho ông L nuôi dưỡng. Do đó, cần giao Vũ Thị Thu L cho ông L được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của con, ghi nhận ý kiến của ông L không yêu cầu bà Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Ông L cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở bà Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung, về nợ chung: Ông bà trình bày không có nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ông Vũ Hồng L (Vũ Văn L) được ly hôn với bà Trịnh Thị Đ.

2. Về nuôi con chung: Giao con tên Vũ Thị Thu L, sinh ngày 07/7/2007, giới tính nữ cho ông Vũ Hồng L (Vũ Văn L) tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ghi nhận ý kiến của ông L không yêu cầu bà Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Ông L cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở bà Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Ông Vũ Hồng L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000392 ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang nên ông không phải nộp thêm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND thành phố Hà Tiên;
- Chi cục THADS thành phố Hà Tiên;
- UBND xã Định Tiến, huyện Yên Định;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Mạc Văn Hên